

Elementary STEM/Student

Nguyễn Quân Bá Hồng*

Ngày 5 tháng 7 năm 2024

Tóm tắt nội dung

A list of my students & those who are no longer. A personal survey on psychological perspective of teaching & learning STEM. The latest version of this text has been stored & downloadable at the following link: [GitHub/NQBH/hobby/STEM/student](https://github.com/NQBH/hobby/STEM/student)¹.

Mục lục

| | |
|---------------------------------|----------|
| 1 Elementary Mathematics | 2 |
| 1.1 Grade 6 | 2 |
| 1.1.1 2022–2023 | 2 |
| 1.1.2 2023–2024 | 4 |
| 1.2 Grade 7 | 5 |
| 1.2.1 2022–2023 | 5 |
| 1.2.2 2023–2024 | 5 |
| 1.2.3 2024–2025 | 6 |
| 1.3 Grade 8 | 6 |
| 1.3.1 2022–2023 | 6 |
| 1.3.2 2023–2024 | 6 |
| 1.3.3 2024–2025 | 6 |
| 1.4 Grade 9 | 7 |
| 1.4.1 2022–2023 | 7 |
| 1.4.2 2023–2024 | 7 |
| 1.5 Grade 10 | 8 |
| 1.5.1 2022–2023 | 8 |
| 1.5.2 2023–2024 | 8 |
| 1.6 Grade 11 | 8 |
| 1.6.1 2022–2023 | 8 |
| 1.6.2 2023–2024 | 8 |
| 1.7 Grade 12 | 8 |
| 1.7.1 2022–2023 | 8 |
| 1.7.2 2023–2024 | 8 |

Initialization

- NQBH's STEM schedule: [GitHub/NQBH/hobby/schedule](https://github.com/NQBH/hobby/schedule)².
- NQBH's STEM rule: [GitHub/NQBH/hobby/STEM/rule](https://github.com/NQBH/hobby/STEM/rule)³.
 - Pay tuition fee each *10-day period*. Reason: Easy to divide by 10 instead of by 8–14 days/month if 2–3 days/week.
 - Expel thieves immediately & permanently.
 - Absence without notice: –30000 VND.
- **Convention.** • := paid. ◦ := have not paid yet.
- **Reward & Punish Rule.**
 - For grades 6–8, each 9–9.4: 30000 VND, 9.5–9.9: 40000 VND, 10: 50000 VND; 5.1–6: –30000 VND, 3.1–5: –40000 VND, 0–3: –50000 VND for each of the following subjects: elementary mathematics, chemistry, physics, programming.

*e-mail: nguyenquanbahong@gmail.com, website: <https://nqbh.github.io>, Bến Tre, Việt Nam.

¹URL: https://github.com/NQBH/hobby/blob/master/STEM/student/NQBH_elementary_STEM_student.pdf.

²URL: https://github.com/NQBH/hobby/blob/master/schedule/NQBH_schedule.pdf.

³URL: https://github.com/NQBH/hobby/blob/master/STEM/rule/NQBH_STEM_rule.pdf.

- For grades 9, each 9–9.4: 40000 VND, 9.5–9.9: 60000 VND, 10: 80000 VND; 5.1–6: –40000 VND, 3.1–5: –60000 VND, 0–3: –80000 VND for each of the following subjects: elementary mathematics, chemistry, physics.
- Vòng Huyện Toán, Lý, Hóa, Tin, Giải Toán Trên Máy Tính Chăm Tay (MTCT): Khuyến Khích: 100000 VND, Giải 3: 200000 VND, Giải 2: 300000 VND, Giải 1: 400000 VND.
- Vòng Tỉnh Toán, Lý, Hóa, Tin, Giải Toán Trên MTCT: Khuyến Khích: 500000 VND, Giải 3: 600000 VND, Giải 2: 800000 VND, Giải 1: 1000000 VND.
- Vòng Quốc Gia Toán, Lý, Hóa, Tin, Giải Toán Trên MTCT: Khuyến Khích: 1200000 VND, Giải 3: 1400000 VND, Giải 2: 1600000 VND, Giải 1: 2000000 VND.
- Half rewards for linguistics/English (maybe if having been taught) các vòng Huyện, Tỉnh, Quốc gia.
- Nếu Cuộc Thi Giải Toán Trên Máy Tính Chăm Tay không còn do Bộ GD & Đào Tạo phối hợp với BITECH tổ chức 2 vòng Huyện, Tỉnh, Quốc Gia phân biệt nhau mà chỉ có 1 vòng thì tính giải thưởng theo vòng Huyện.

Remark 1. *This reward rule is a basic psychological test on endurance, perseverance, & pedagogical methodology.*

1 Elementary Mathematics

1.1 Grade 6

1.1.1 2022–2023

Jul 25, 27, 29; Aug 1, 3, 5, 8, 10, 12, 15 • 17, 19, 22, 24, 26, 29; Sep 6, 8, 13, 15 • 20, 22, 27, 29; Oct 4, 6, 11, 13, 18, 20 • 25, 27; Nov 1, 3, 22, 24, 29; Dec 1, 6, 8 • 13, 15, 20, 22, 25, 2022; Jan 3, 5, 10, 12, 31 • Feb 2, 7, 9, 14, 16, 21, 23, 28; Mar 2, 7 • 9, 14, 16, 21, 23, 28, 30; Apr 4, 6, 11 • 13, 18, 20; May 9, 11, 2023.

1. NGUYỄN THỊ KIM ANH. [In] Jul 25, 2022.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
- Give. 90000 VND [Math: midterm II: 10, final term II: 9.75; Natural Science: midterm II: 10, final term II: 9.75].

2. NGUYỄN HÀ NHỰT ANH. [In] Aug 24, 2022. [Re-In] Oct 15, 2022. Feb 21, 2023.

- Paid tutor fee. Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
- Give. 40000 VND [Math: midterm II: 9.5; Natural Science: midterm II: 9.5, final term II: 9.5].

3. ĐỖ HOÀNG GIA BẢO. [In] Sep 22, 2022. [Out] Feb 9, 2023.

- Paid tutor fee. Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, 2023.

4. TRẦN GIA BẢO. [In] Jul 25, 2022. [Out] Sep 27, 2022.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, 2022.

5. LÊ DUYÊN MINH CHÂU. [In] Jul 25, 2022. [Out] Aug 29, 2022.

- Paid tutor fee. Aug, 2022.
- Personality. Retarded.

6. NGUYỄN TÂM ĐẮC. [In] Jul 25, 2022. [Out] Jan 2, 2023.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan 2023.

7. NGUYỄN HỮU HIẾU. [In] Jul 25, 2022. [Out] Nov 1, 2022.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, 2022.

8. NGUYỄN HOÀNG BẢO LAM. [In] Jul 25, 2022.

- Paid by food/noodles discounts.
- Give. [Math: midterm II: 9].

9. TRẦN VĂN PHÁT LỘC. [In] Jan 31, 2023. [Out]

- Paid tutor fee. Feb, Mar, 2023.
- Unpaid. 250000 VND.
- Personality. Retarded.

10. NGÔ NGUYỄN PHƯƠNG NGHI. [In] Jul 25, 2022.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Give. 70000 VND [Math: midterm II: 9.5, final term II: 9; Natural Science: midterm II: 9.25].
11. ĐỖ NGUYỄN BẢO NGỌC. [In] Sep 27, 2022. [Out] Feb 2, 2023.
- Paid tutor fee. Oct, Nov, Dec 2022. Unpaid tutor fee. Jan 2023.
12. ĐÀM KHÁNH NGỌC. [In] Oct 18, 2022.
- Paid tutor fee. Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Personality. Introverted.
 - Give. 160000 VND [Math: midterm I: 9, final term I: 9.5, midterm II: 10, final term II: 10; Natural Science: midterm I: 10, final term I: 9.8, midterm II: ?, final term II: ?].
 - Score. **DKN's 1st semester.**
13. NGUYỄN NHƯ NGỌC. [In] Jul 25, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Personality. Introverted.
 - Give. 1-euro coin + 140000 VND [Math: midterm I: 9.5, final term I: 9, midterm II: 9.8, final term II: 9.75, final term: 9.75; Natural Science: midterm I: 10, final term I: 9.7, midterm II: ?, final term II: 9.5].
 - Score. **NNN's 1st semester.**⁴
14. NGUYỄN BÌNH NGUYỄN. [In] Jul 25, 2022. [Out] Sep 20, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, 2022.
 - Personality. Retarded.
15. LÊ TRỌNG NHÂN. [In] Jul 25, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
16. TRẦN NGỌC NHI. [In] Jul 25, 2022. [Out] Dec 6, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, 2022.
17. NGUYỄN NGỌC THU NHIÊN. [In] Jul 25, 2022. [Out] Sep 20, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, 2022.
18. VÕ LÂM QUỲNH NHƯ. [In] Jul 25, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Give. 80000 VND [Math: midterm I: 9.5, midterm II: 10; Natural Science: midterm II: , final term II: 10].
19. ĐÀO MINH HỒNG PHÁT. [In] Jul 25, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Personality. Retarded.
20. NGUYỄN HỮU PHÁT. [In] Aug 1, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022; Jan, Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Give. 30000 VND [Math: final term 2: 9].
21. NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG. [In] Jan 31, 2023.
- Paid tutor fee. Feb, Mar, Apr, 2023.
 - Give. 30000 VND [Natural Science: final term II: 9].
22. PHAN TẤN QUÂN. [In] Jul 25, 2022. [Out] Aug 25, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, 2022.
23. TRƯƠNG KHÁNH QUỲNH. [In] Aug 3, 2022. [Out] Aug 5, 2022.
24. NGUYỄN THỊ BẢO THỊ. [In] Jul 25, 2022. [Out] Dec 8, 2022.

⁴The abbreviation of her name should not be confused with No Nut November.

- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, 2022.
25. PHAN NGUYỄN ANH THƠ. [In] Aug 5, 2022. [Out] Sep 8, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, 2022.
26. ĐÀO NGỌC QUẾ TRẦN. [In] Jul 25, 2022. [Out] Feb 5, 2023.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, Nov, Dec 2022. Unpaid tutor fee. Jan 2023.
 - Personality. Extroverted, noisy, loud, extremely love strong stimulation.
27. NGUYỄN NGỌC THÙY TRÂM. [In] Aug 3, 2022. [Out] Sep 8, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, 2022.
28. LÊ PHƯƠNG TRINH. [In] Jul 25, 2022. [Out] Nov 22, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, 2022.
 - Personality. Self-centric.
29. LÊ THANH TRÚC. [In] Aug 26, 2022. [Out]
- Paid tutor fee. Sep, 2022.
30. TRẦN NGỌC CẨM TÚ. [In] Sep 27, 2022. [Out, Expelled Permanently]: Nov 24, 2022.
- Paid tutor fee. Oct, 2022.
31. TRẦN THỊ THÚY VY. [In] Sep 13, 2022. [Out] Dec 8, 2022.
- Paid tutor fee. Oct, Nov, 2022.
32. NGUYỄN LÊ TƯỜNG VY. [In] Aug 10, 2022. [Out] Dec 1, 2022.
- Paid tutor fee. Aug, Sep, Oct, 2022.

1.1.2 2023–2024

1. TRẦN KHÁNH HÀ. [In] Jun 26, 28; Jul 3, 6, 10, 12, 17, 19 • 24, 26, 31; Aug 2, 7, 9, 14, 16 • 21, 23, 28, 30; Sep 4, 6, 8, 11 • 16, 18, 23, 25, 30; Oct 2, 6, 7 • 9, 13, 14, 16, 20, 21, 23, 27 • 28, 30; Nov 6, 10, 11, 13, 17, 18 • 24, 27; Dec 1, 2, 4, 8, 11, 15 • 16, 18, 22, 23, 2023; Jan 1, 5, 6, 8 • 12, 13, 15, 19, 20, 22, 25, 27 • Feb 1, 2, 19, 24, 26, 29; Mar 2, 4 • 7, 9, 11, 13, 16, 18, 20, 23 • 25, 27, 30, 1, 3, 6, 8, 13 • 15, 17, 20, 29; May 4, 6, 8, 10 • 2024.
 - Give. 270000 VND. Mathematics: 10, 10, 9.3, 9.8. Natural Science: 10, 9.3, 9.5, 10.
 - Punish. Absence: 60000 VND.
2. HUỖNH HỮU NHÂN. [In] Jun 26, 28; Jul 3, 6, 10, 12, 17, 19 • 24, 26, 31; Aug 2, 7, 9, 14, 16 • 21, 23, 28, 30; Sep 4, 6, 8, 11 • 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29 • Oct 2, 4, 6, 9, 10, 11, 13, 16 • 18, 20, 23, 25, 27; Nov 1, 3, 6 • 8, 11, 13, 15, 17, 22, 24, 27 • 29; Dec 1, 4, 6, 8, 11, 13, 15 • 18, 20, 2023; Jan 1, 5, 8, 10, 12, 15 • 17, 19, 22, 24, 26; Feb 2, 19, 21 • 23, 26, 28; Mar 1, 4, 6, 8, 11 • 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29 • Apr 1, 3, 5, 8, 10, 12, 15, 17 • 19, 29; Jun 1, 3, 6, 8, 10, 13 • 20, 22, 24 • 2024.
 - Note. Đội Tuyển Tỉnh Cờ Vua grade 1–now. Giải Nhất Cờ Vua cấp huyện. Giải Bạc Cờ Vua cấp Tỉnh. Giải Đồng cá nhân Cờ Vua Đồng Bằng Sông Cửu Long. Giải Bạc đồng đội Cờ Vua Đồng Bằng Sông Cửu Long. Giải Đồng cá nhân Cờ Vua cấp Tỉnh age 12–13. Giải Bạc đồng đội Cờ Vua cấp Tỉnh age 12–13.
 - Give. 300000 VND. Mathematics: 10, 10, 9.8, 10. Natural Science: 10, 10, 10, 10. #1 class.
3. NGUYỄN CHÍ TRUNG. [In] Jun 26, 28; Jul 3, 6, 10, 12, 17, 19 • 24, 26, 31; Aug 2, 7, 9, 14, 16 • 21, 23, 28, 30; Sep 4, 6, 8, 11 • 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29 • Oct 2, 4, 6, 9, 11, 13, 16, 18 • 20, 23, 25, 27; Nov 1, 3, 6, 8 • 10, 13, 15, 17, 22, 24, 27, 29 • Dec 1, 4, 6, 8, 11, 13, 15, 18 • 20, 22, 2023; Jan 1, 5, 8, 10, 12, 15 • 17, 19, 22, 24, 26; Feb 2, 19, 21 • 23, 26, 28; Mar 1, 4, 6, 8, 11 • 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29 • Apr 1, 3, 5, 8, 10, 12, 15, 17 • 19, 29; Jun 1, 3, 6, 8, 10, 13 • 20, 22, 24 • 2024.
 - Note. Giải Anh Văn cấp huyện, cấp Quốc Gia bậc Tiểu Học.
 - Give. 140000 VND. Mathematics: 9, 9.3. Natural Science: 9.5, 9.5. #1 class.
 - Take. 1000000 VND.

1.2 Grade 7

1.2.1 2022–2023

1. ĐỖ THỊ THÙY DƯƠNG. [In] Aug 13, 16, 20, 23, 25, 27, 30; Sep 1, 3, 18 • 19, 25, 26; Oct 2, 3, 9, 10, 16, 17, 23 • 24, 30, 31; Nov 6, 7, 13, 14, 20, 21, 27 • 28; Dec 4, 5, 11, 12, 18, 19, 2022; Jan 8, 9, 30 • Feb 5, 6, 12, 13, 19, 20, 26, 27; Mar 5, 6 • 12, 13, 19, 20, 26, 27; Apr 2, 9, 10, 17 • 2023. [Out]
 - Punish. –30000 VND [Math: final term II: 4.3].
 - Note. Low IQ.
2. LÊ TIẾN ĐẠT. [In] Sep 18, 19, 25, 26; Oct 2, 3, 9, 10, 16, 17 • 23, 24, 30, 31; Nov 6, 7, 13, 14, 20, 24 • 27, 28; Dec 4, 5, 11, 12, 18, 19, 2022; Jan 8, 9 • 30; Feb 5, 6, 12, 13, 19, 20, 26, 27; Mar 5 • 6, 12, 13, 19, 20, 26, 27; Apr 2, 9, 10 • 17, 2023.
 - Give. 30000 VND [Natural Science: midterm I: 9.5].
3. TRẦN NGỌC THÚY QUYÊN. [In] Sep 18, 19, 25, 26; Oct 2, 3, 9, 10, 16, 17 • 23, 24, 30, 31; Nov 6, 7, 13, 14, 20, 21 • 27, 28; Dec 4, 5, 11, 12, 18, 19, 2022; Jan 8, 9 • 30; Feb 5, 6, 12, 13, 19, 20, 26, 27; Mar 5 • 6, 12, 13, 19, 20, 26, 27; Apr 2, 9, 10 • 17, 2023.
 - Give. 210000 VND [Math: midterm I: 10, final term I: 9.3, midterm II: 10, final term II: 9.75; Natural Science: midterm I: 10, final term I: 9, midterm II: 9.5, final term II: 9.3]
 - Score. **TNTQ's 1st semester.**
4. PHẠM HỮU NHÂN. [In] Oct 10, 16, 17, 23, 24, 30, 31; Nov 6, 7, 13 • 14, 20, 21, 27, 28; Dec 4, 5, 11, 12, 18 • 19, 2022; Jan 8, 9, 30; Feb 5, 6, 12, 13, 19, 20 • 26, 27; Mar 5, 6, 12, 13, 19, 20, 26, 2023. [Out Permanently]
 - Tutor fee. Monthly instead of 10-day period. Reason: parents cannot compute.
5. ĐÀM TRUNG TÍN. [In] Aug 2, 4, 6, 9, 11, 13, 16, 20, 23, 25 • 27, 30; Sep 1, 3, 18, 19, 25, 26; Oct 2, 3 • 9, 10, 16, 17, 23, 24, 30, 31; Nov 6, 7 • 13, 14, 20, 21, 27, 28; Dec 4, 5, 11, 12 • 18, 19, 2022; Jan 8, 9, 30; Feb 5, 6, 12, 13, 19 • 20, 26, 27; Mar 5, 6, 12, 13, 19, 20, 26 • 27; Apr 2, 9, 10, 17, 2023. [Out]
 - Give. 30000 VND [Natural Science: midterm I: 9.75].
 - Punish. –30000 VND [Math: final term II: 4.5].

1.2.2 2023–2024

1. NGUYỄN THỊ KIM ANH. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 29; Sep 1, 8, 10, 12, 16, 19, 24 • 26; Oct 1, 3, 8, 10, 15, 17, 22, 24 • 29, 31; Nov 5, 7, 12, 14, 19, 21 • 26, 28; Dec 3, 5, 10, 12, 17, 19, 24 • 2023; Jan 7, 9, 14, 16, 21, 23, 28, 30; Feb 4 • 20, 25, 27; Mar 3, 5, 10, 12, 17, 19 • 24, 2024.
 - Give. 190000 VND. Mathematics: 10, 10. Natural Science: 9.8, 10.
2. NGUYỄN HÀ NHỰT ANH. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 29; Sep 1, 8, 10, 12, 16, 19, 24 • 26; Oct 1, 3, 8, 10, 15, 17, 22, 24 • 29, 31; Nov 5, 7, 12, 14, 19, 21 • 26, 28; Dec 3, 5, 10, 12, 17, 19, 24, 2023 • Jan 7, 2024. [Out]
 - Give. 80000 VND. Mathematics: 8.8, 8.8. Natural Science: 9, 10.
3. LÊ TRỌNG NHÂN. [In] Jul 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4 2023. [Out]
4. ĐÀO MINH HỒNG PHÁT. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 2023. [Out]
 - Note. What The Phát?
5. NGUYỄN HỮU PHÁT. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 29; Sep 1, 8, 10, 12, 16, 19, 24 • 26; Oct 1, 3, 8, 10, 15, 17, 22, 24 • 29, 31; Nov 5, 7, 12, 14, 19, 21 • 26, 28; Dec 3, 5, 10, 12, 17, 19, 24, 2023 • Jan 7, 9, 14, 16, 21, 23, 28, 30; Feb 4 • 20, 25, 27; Mar 3, 5, 10, 12, 17, 19 • 24, 2024.
 - Give. 150000 VND. Mathematics: 9, 9.5. Natural Science: 9.8, 9.5. [80k]
6. NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 29; Sep 1, 2023 • [Out]
7. NGUYỄN NHƯ NGỌC. [In] Jun 27, 30; Jul 4, 7, 11, 14, 18, 21, 25 • 28; Aug 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22, 25 • 29; Sep 1, 8, 10, 12, 16, 19, 24 • 26; Oct 1, 3, 8, 10, 15, 17, 22, 24 • 29, 31; Nov 5, 7, 12, 14, 19, 21 • 26, 28; Dec 3, 5, 10, 12, 17, 19, 24, 2023 • [Out]
 - Give. 160000 VND. Mathematics: 9.5, 9.8. Natural Science: 9.3, 10.

1.2.3 2024–2025

1. TRẦN KHÁNH HÀ.
2. HUỖNH HỮU NHÂN. Jul 5, 2024.
3. NGUYỄN CHÍ TRUNG. Jul 5, 2024.

1.3 Grade 8

1.3.1 2022–2023

1. BÙI QUỐC DŨNG. [In] Oct 1, 2, 7, 9, 14, 23, 2022. [Out]
2. NGUYỄN NGỌC MỸ DUYÊN. [In] Oct ~~1~~, 2, 9, 10, 14, ~~16~~, ~~23~~, 30; Nov ~~6~~, 13 • 20, ~~27~~; Dec 4, 11, 18, 23, 25, 2022; Jan 8; Feb ~~3~~, 5 • 10, 12, ~~17~~, 19, 24, 26; Mar ~~3~~, 5, 12, 17 • ~~19~~, 24, 26, 31; Apr 2, 7, 9, 14, 16, 21 • 23, 2023.
 - Punish. –40000 VND [Math: final term II: 3.5].
3. PHAN ĐẶNG TUYẾT HỒNG. [In] Oct 9, 10, 14, ~~16~~, 23, 30; Nov 6, ~~13~~, ~~20~~, ~~27~~ • Dec 4, 11, 18, 23, 25, 2022; Jan 8; Feb ~~3~~, 5, 10, 12 • ~~17~~, 19, 24, 26; Mar 3, ~~5~~, ~~12~~, 17, 19, 24 • 26, 31, Apr 2, 7, 9, 14, 16, 21, 23, 2023.
 - Punish. –40000 VND [Math: final term I: 3.5].
4. TRẦN KHÁNH MY. [In] Oct 1, 2, 7, 9, 14, 16, 21, 23, 28, 30 • Nov 4, 6, 11, 13, 18, 20, 27; Dec 2, 4, 11 • 16, ~~18~~, 23, 25, 2022; Jan 8; Feb 3, 5, 10, 12, 17 • ~~19~~, 24, 26; Mar 3, 5, 12, 17, 19, 24, 26 • 31; Apr 2, 7, 9, 14, 16, 21, 23, 2023.
 - Give. 300000 VND [Math: midterm I: 9.75, midterm II: 9, final term II: 9.5; Chemistry: midterm I: 9.5, final term I: 9.3, midterm II: 9.3, final term II: 10; Physics: midterm II: 9.3].
5. NGUYỄN MAI DUY NGHĨA. [In] Apr 16, 23, 2023.
 - Give. 40000 VND [Math: midterm II: 9, final term II: 9.75].
6. HỒ TẤN PHÁT. [In] Apr 11, 12, 16, 23, 2023.
 - Give. 50000 VND [Math: midterm II: 9, final term II: 10; Physics: final term II: 10; Chemistry: final term II: 10; Computer Science: final term II: 10].
7. HUỖNH LÊ PHÚ. [In] Oct 2, 7, 9, 14, ~~16~~, 21, 23, 28, 30; Nov 4 • 6, 11, ~~13~~, ~~18~~, ~~20~~, ~~27~~; Dec 2, 4, 11, 16 • ~~18~~, 23, 25, 2022; Jan 8; Feb ~~3~~, 5, 10, 12, ~~17~~, 19 • 24, 26; Mar 3, ~~5~~, 12, 17, 19, 24, 26, ~~31~~ • Apr 2, 7, 9, 14, 16, 21, 23, 2023.
 - Give. 60000 VND [Math: midterm II: 9, final term II: 9; Computer Science: mid term II: 10].
8. ĐỖ KIM PHỤNG. [In] Oct ~~1~~, 2, 9, 10, 14, ~~16~~, ~~23~~, 30; Nov ~~6~~, 13 • 20, ~~27~~, Dec 4, 11, 18, 25, 2022; Jan 8; Feb 5, ~~12~~, 19 • 26; Mar 5, 12, 19, 26; Apr 2, 7, 14, 16, 21 • 23, 2023.
9. ĐỖ HOÀNG QUÂN. [In] Feb 3, 10, 17, 24; Mar 3, 17, 24, 26, 31; Apr 2 • 7, ~~9~~, 14, 16, 21, 23, 2023.
 - Give. 40000 VND [Math: midterm II: 9.5].
10. ĐƯỜNG NGỌC ANH THƯ. [In] Oct 7, 9, 14, 16, 21, 23, ~~28~~, 30; Nov 4, 6 • 11, 13, 18, 20, 27; Dec 2, 4, 11, 16, 18 • 23, 25, 2022; Jan 8; Feb 3, 5, 10, 12, 17, 19, 24 • 26; Mar 3, 5, 12, 17, 19, 24, 26, 31; Apr 2 • 7, 9, 14, 16, 21, 23, 2023.
 - Give. 310000 VND [Math: midterm I: 9.8, midterm II: 9; Chemistry: midterm II: 9.5, final term II: 10; Physics: midterm II: 10, final term II: 9.8; Computer Science: 9.8].
11. TRƯƠNG HỒ YẾN QUỲNH. [In] Aug 5, 2022. [Out].

1.3.2 2023–2024

1. LÊ TIẾN ĐẠT. May 7, 14, 21, 28, 29, 31; Jun 1, 5, 7, 12 • 14, 15, 19, 21, 22, 26, 28; Jul 1, 3, 5 • 8, 10, 12, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 29 • 31; Aug 2, 5, 7, 9, 12, 14, 16, 19, 21 • 23, 26, 30; Sep 4, 6, ~~11~~, 13, 18, 20, 25 • 27, 2023. [Out]
2. TRẦN NGỌC THÚY QUYÊN. May 7, 14, 21, 28, 29, 31; Jun 1, 5, 7, 12 • 14, 15, 19, ~~21~~, ~~22~~, 26, 28; Jul 1, 3, 5 • 8, 10, 12, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 29 • 31; Aug 2, 5, 7, 9, 12, 14, 16, 19, 21 • 23, 26, 30; Sep 4, 6, 11, 13, ~~18~~, 20, 25 • 27, 2, 4, 9, 11, ~~16~~, 18, 24, 26, ~~31~~ • Nov 2, 2023.

1.3.3 2024–2025

1. NGUYỄN THỊ KIM ANH.

1.4 Grade 9

1.4.1 2022–2023

1. NGUYỄN CÔNG ĐẠT. [In] Jun 21, 2022. [Out]
2. HUỖNH ĐỒNG HỮU TOÀN. [In] May 8, 9, 10, 15, 2023. [Out]
 - Personality. Retarded.

1.4.2 2023–2024

Italic: 1-hour type. Normal: 2-hour type. Boxed: 3-hour type. Strike through: absence.

1. ĐỖ ĐĂNG KHOA. [In] Aug 23, 26, 30; Sep 4, 6, 13, 20, 27; Oct 11, 16 • 18, 21, ~~25~~, 28; Nov 4, 6, 8, ~~11~~, 13, 18 • 20, ~~22~~, 25, Dec 2, 4, 16, 2023; Jan ~~1~~, 3, 6, 8 • 10, ~~13~~, 16, 17, 27, 29, 31; Feb ~~3~~, 19, 21 • 24, 26, ~~28~~; Mar 2, 4, 9, 11, 16, 18, ~~20~~ • 25, 27, 30; Apr 1, 3, 8, 10, ~~13~~, 17; May 4 • 6, 8, 11, 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29; Jun 1 • 2024.
 - Note. Giải 3 Anh Văn cấp huyện (grade 9). Giải khuyến khích Anh Văn cấp tỉnh (grade 9).
 - Give. 710000 VND. Mathematics: 9.5, 8. Physics: 10, 10. Chemistry: 9.75, 10.
2. HUỖNH TUYẾT MINH. [In] Aug 23, 26, 30; Sep 4, 6, 13, 20, 27; Oct 11, 16 • 18, 25, 28; Nov 4, 8, ~~11~~, 13, 18, 20, 22 • ~~29~~, Dec 2, 4, 6, 13, 16, 20, 2023; Jan 1, 3, 6 • 8, 10, ~~13~~, 16, 17, 22, 27, 31; Feb ~~3~~, 19 • 21, 24, 26, 28; Mar 2, 4, 9, 11, 16, 18 • ~~20~~, 25, 27, 30; Apr 1, 3, 8, 10, 13, 17 • May 4, 6, 8, 11, 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29; Jun 1 • 2024.
 - Give. 460000 VND. Mathematics: 10, 5.3, 10. Physics: 10, 9.8, 10. Chemistry: 9.25, 9.5, 10.
3. TRẦN KHÁNH MY. May 7, 14, 20, 21, 28, 29, 31; Jun 1, 5, 7, ~~12~~ • 14, 15, ~~19~~, 21, 22, 26, 28; Jul 1, 3, 5 • 8, ~~10~~, 12, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 29 • 31; Aug 2, 5, 7, 9, 12, 14, 16, 19, 21 • 23, 26, 30; Sep 4, 6, 11, 13, 18, 20, 25 • 27; Oct 2, 4, 9, 11, ~~16~~, 18, 25; Nov 4, 8 • ~~11~~, 15, 22, 28; Dec 1, 5, 8, 12, 19, 22, 2023 • Jan 2, 3, 5, 9, 12, 16, 19, 23, 26, 30 • Feb 2, 20, 23, 27; Mar 1, 5, 12, 15, 19, 22 • 26, 29; Apr 2, 5, 9, 12; May 3, 7, 8, 21 • 24, 29, 31; May 1 • 2024.
 - Give. 40000 VND. Mathematics: 8, 5.8, 9, 5.5. Physics: 8.25, 8. Chemistry: 9.25, 9.5.
4. NGUYỄN MAI DUY NGHĨA. May 7, 14, 21, 28, 29, 31; Jun 1, 5, 7, 12 • 14, 15, 19, 21, 22, 26, 28; Jul 1, 3, 5 • 8, 10, 12, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 29 • 31; Aug 2, 5, 7, 9, 12, 14, 16, 19, 21 • 23, 26, 30; Sep 4, 6, 13, 20, 27; Oct 11, 16 • 18, 21, ~~25~~, 28; Nov 4, 6, 8, ~~11~~, 13, 15 • 20, 22, ~~25~~, 29; Dec 2, 4, 6, 13, 16, 20, 2023 • Jan ~~1~~, 3, 6, 8, 10, ~~13~~, 16, 17, 20, 22 • 27; Feb 3, 19, 21, 24, 26, 28; Mar 2, 4, 6 • 9, 11, 16, ~~20~~, 25, 27, 30; Apr 1, 3, 8 • 10, 13, 17; May 4, 6, 8, 11, 13, 15, 18 • 20, 22, 25, 27, 29; Jun 1 • 2024.
 - Note. Giải Khuyến Khích Anh Văn cấp huyện (grade 9).
 - Give. 390000 VND. Mathematics: 9.75, 5.3. Physics: 9.75, 9.25. Chemistry: 9.8, 6.8.
5. HỒ TẤN PHÁT. May 7, 14, 20, 21, 28, 29, 31; Jun 1, 5, 7, 12 • 14, 15, 19, 21, 22, 26, 28; Jul 1, 3, 5 • 8, ~~10~~, 12, 15, 17, 19, 22, 24, 26, 29 • 31; Aug 2, 5, 7, 9, 12, 14, 16, 19, 21 • 23, 26, 30; Sep 4, 6, 11, 13, 18, 20, ~~25~~ • 27; Oct 4, 9, 11, 16, 18, 21, 25, 28; Nov 4 • 8, 11, 15, 17, 20, 22, 25, 27, ~~29~~; Dec 2 • 4, 6, 9, 11, 13, 16, 20, 23, 2023; Jan 1, 3 • 6, 8, 10, 13, 16, 20, 24, 29, 31; Feb 3 • 19, 21, 24, 26, 28; Mar 2, 4, 9, 11, 13 • 16, 20, 25, 27, 30; Apr 1, 3, 6, 8, 10 • 13, 15, 17; May 4, 6, 8, 11, 13, 15, 18 • 20, 22, 25, 27, 29, 29; Jun 1 • 2024.
 - Note. Giải Nhất #1 Tin cấp huyện (grade 8). Giải khuyến khích Tin cấp tỉnh (grade 8). Giải 3 Toán cấp huyện grade 9. Giải 3 Toán cấp tỉnh grade 9.
 - Give. 1260000 VND. Mathematics: 10, 8.8 #2, 10. Physics: 9.75, 10. Chemistry: 10, 10.
6. TRƯƠNG ĐẶNG MINH THƯ. Aug 21, 23, 30; Sep 4, 6, 13, 20, 27; Oct 11, 16 • 18, 21, 25, 28; Nov 4, 6, 8, 11, 13, 15 • 18, 20, 22, 25, 27, 29; Dec 2, 4, 6, 9 • 11, 13, 16, 20, 2023; Jan 1, 3, 6, 8, 10, 13 • 16, 17, 27, 29, 31; Feb 3, 19, 21, 24, 26 • 28; Mar 2, 4, 9, 11, 13, 16, 18, 20, 23 • 25, 27, 30; Apr 1, 3, 6, 8, 10, 13, 15 • 17; May 4, 6, 8, 11, 13, 15, 18, 20, 22, 25, 27, 29, 29; Jun 1 • 2024.
 - Note. Giải 3 Anh Văn cấp huyện (grade 8) [3rd prize English]. Giải 3 Anh Văn cấp huyện (grade 9). Giải 3 Anh Văn cấp tỉnh (grade 9).
 - Give. 700000 VND. Mathematics: 10, 9 #1 grade, 9.5, 9.75. Physics: 10, 9.75, 10. Chemistry: 9, 9, 9.75.

1.5 Grade 10

1.5.1 2022–2023

1. NGÔ THỊ HUỲNH NHƯ. [In] Sep 14, 16, 28, 30; Oct 7, 12, 19, 20, 21, 28 • Nov 2, 3, 10, 14, 17, 24 • 2022. [Out]
2. ĐÀM THỊ QUỲNH NHƯ. [In] Aug 9, 12, 14, 16, 21, 23, 26, 30; Sep 11, 14 • 16, 21, 28, 30; Oct 3, 7, 10, 12, 19, 20 • 21, 24, 28, 31; Nov 2, 3, 10, 14, 17, 24 • 2022. [Out]

1.5.2 2023–2024

1. ĐỖ ĐĂNG KHOA. Jul 2, 4, 6, 2024.
2. TRẦN KHÁNH MY.
3. NGUYỄN MAI DUY NGHĨA. Jul 2, 4, 6, 2024.
4. HỒ TẤN PHÁT. Jul 2, 4, 6, 2024.
5. TRƯƠNG ĐẶNG MINH THƯ. Jul 2, 4, 6, 2024.
6. NGUYỄN PHÚC YÊN. Jul 2, 4, 6, 2024.

1.6 Grade 11

1.6.1 2022–2023

1. NGUYỄN THỊ NGỌC NHI. [In] Aug 4, 6, 9, 11, 13, 16, 18, 20, 23, 27 • Sep 8, 15, 17, 22, 23, 29, 30; Oct 8, 13, 31 • Dec 1, 8, 15, 26, 2022; Feb 8, 10, 12, 15, 17, 19 • 22, 24; Mar 1, 6, 13, 15, 17, 20, 24, 31 • Apr 5, 7, 10, 17, 19, 21, 24, 2023. [Out]
2. NGUYỄN QUANG THẮNG. [In] Jan 13, 18, 20, 25, 27; Feb 1, 2, 22, 24; Mar 7 • 9, 14, 16, 21, 23, 30; Apr 4, 11, 13, 18, 20, 25, 27; May 2, 4, 9 • 2024.

1.6.2 2023–2024

1.7 Grade 12

1.7.1 2022–2023

1. ĐỖ THÀNH LỢI. [In] Sep 27, 28; Oct 2, 5, 12, 15, 22; Nov 13; Dec 4, 2022. [Out]
2. TRẦN ĐỨC THỊNH. [In] Sep 27; Oct 12, 2022. [Out]
3. DU HOÀNG TÚ. [In] Sep 20, 21, 27, 28; Oct 2, 4, 5, 12, 25; Nov 9 • 30; Dec 6, 2022; Feb 2, 7, 23; Mar 2, 28; Apr 6, 13; May 14 • 28, Jun 11, 2023. [Out]

1.7.2 2023–2024

1. NGUYỄN THỊ NGỌC NHI. [In] Jul 25, 27; Aug 1, 3, 8, 10, 19, 22 • 2023. [Out]
2. NGUYỄN TRƯƠNG YẾN NHI. [In] Feb 3, 4, 24, 25; Mar 3, 9, 10, 23, 24, 31; May 4, 5, 11, 12 • 2024.
 - Math: 8.8, 8.2.
3. NGUYỄN NGỌC TÂM NHƯ. [In] Feb 3, 2024. [Out]
4. TRẦN NGỌC CẨM TÚ. [In] Feb 3, 4, 24, 25; Mar 3, 9, 10, 23, 24, 31; May 4, 5, 11, 12 • 2024
 - Give. 60000 VND. Math: 9.6, 6.
 - Take. 40000 VND.